

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 191/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29/9/2023

V/v Xin ly hôn, nuôi con, nợ chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG**

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đạt.

2. Ông Ngô Văn Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Kiên Giang.

- Đại Dện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023. Về việc: “Xin ly hôn, nuôi con và nợ chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thí D**, sinh năm 1991. Địa chỉ: Tổ 12, khu phố Kiên Tân, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Ông **Trương Thanh T**, sinh năm 1977. Địa chỉ: Tổ 12, khu phố Kiên Tân, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Ngân Hng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB).**

Trụ sở chính: Tầng 1, Tầng 2, Tòa nH SailingTower – 111 A Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại Dện theo pháp luật: Ông Hn Ngọc V – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại Dện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm

Quản lý nợ Ngân Hng bán lẻ - Khối Ngân Hng bán lẻ VIB, theo giấy ủy quyền số: 27869.20 ký ngày 04/01/2021 của Tổng giám đốc Ngân Hng TMCP Quốc tế Việt Nam.

Địa chỉ liên lạc: Tầng 6, Tòa nH Paxsky, số 26 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại Diện theo ủy quyền: Ông **Danh Hoài H**; Cán bộ Ngân Hng TMCPQT Việt Nam. (Theo Giấy ủy quyền 17/10/2022).

Địa chỉ liên hệ: Số 247 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, tHnh phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

(Ông H, bà D có mặt, ông T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Bà Lê Thị D trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Bà D và ông Trương Thanh T chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn K, huyện K cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2018. Quá trình chung sống vợ chồng hay mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, nhiều lần ngồi lại Hn gần nhưng không có gì thay đổi. Nhận thấy cuộc sống không còn tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không thể kéo dài, vì vậy bà D xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Trương Bá Tước, sinh ngày 15/11/2017 giới tính nam, bà D xin nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà D thừa nhận có vay Ngân Hng TMCP Quốc Tế Việt Nam tiền mua xe và có ký các hợp đồng tín dụng vay tiền số 0066.HĐTD.632.19 ngày 24/01/2019 và Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị/phương tiện vận tải số 0066.HĐTC.632.19 ngày 24/01/2019.

Do bà D làm công việc nội trợ gia đình nên không biết việc thỏa thuận mua bán xe của ông T, Ngân Hng với Trường Hải như thế nào.

- Theo bản khai và biên bản hòa giải ông Trương Thanh T trình bày:

Về hôn nhân: Do ông T còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Nếu trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông T đồng ý giao con cho bà D nuôi dưỡng.

Tài sản chung: Không yêu cầu.

Về nợ chung: Ông T thừa nhận có ký các hợp đồng tín dụng vay tiền như Ngân Hng TMCP Quốc Tế (VIB) trình bày là đúng và vẫn còn nợ số tiền 193.306.260đ, trong đó nợ gốc là 134.160.000đ, lãi là 12.845.071đ, lãi quá hạn là 46.301.189đ. Trong khoảng năm 2019, 2020 lâu quá ông T không nhớ rõ, ông T lái xe ở Hòn Đất do tránh các bé đi học nên bị lật xe gây hư hỏng. Sau đó ông T đến cửa Hng của Trường Hải ở Rạch Sỏi để sửa xe, ông T thấy xe bị tai nạn nên kêu Trường Hải bán xe, sau khi bán xe, bên Trường Hải nói thanh toán cho ngân Hng nên còn dư lại hai mươi mấy triệu, ông T cũng bỏ luôn không có lấy tiền lại, từ đó ông T tưởng đã thanh toán rồi nên không có liên hệ với ngân Hng nữa.

Đến khi nhận thông báo của Tòa án ông T mới biết bên Trường Hải hiện nay vẫn chưa thanh toán cho ngân Hng, sau buổi làm việc ông T sẽ liên hệ với Trường Hải sẽ có ý kiến thêm sau.

- Ông Danh Hoài H đại Diện ngân Hng trình bày và yêu cầu như sau:

Ngân Hng TMCP Quốc Tế Việt Nam có ký với khách Hng là vợ chồng ông Trương Thanh T và bà Lê Thị D hợp đồng tín dụng số 0066.HĐTD.632.19 và hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị/phương tiện vận tải số 0066.HĐTC.632.19 ngày 24/01/2019 với nội dung: Ngân Hng cho ông T, bà D vay số tiền 175.000.000 đồng, mục đích vay mua xe ô tô hiệu THACO, số loại TOWNER, biển kiểm soát 68C-100.08. Thời hạn vay 60 tháng, từ ngày 24/01/2019 đến ngày 23/01/2024. Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 12,8%/năm, lãi suất này được ngân Hng chủ động điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 4,3%/năm. Hoàn trả khoản vay gốc Hng tháng vào ngày 10, mỗi tháng trả 2.910.000đ, tháng cuối trả 3.310.000đ. Hoàn trả lãi Hng tháng vào ngày 10, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 10/02/2019, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Sau đó Ngân Hng đã giải ngân cho ông T, bà D theo đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 0066.KUNN.632.19 ngày 24/01/2019 với số tiền 175.000.000đ. Quá trình thực hiện hợp đồng ông T, bà D luôn vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi phát sinh. Vì vậy ngân Hng đã chuyển khoản vay tHnh nợ quá hạn từ ngày 10/4/2020. Tạm tính đến ngày 12/4/2021, ông T, bà D đã thanh toán cho ngân Hng số tiền 63.489.466đ (trong đó gốc là 40.840.000đ, lãi là 22.649.466đ). Tạm tính đến ngày 12/4/2021, ông T, bà D còn nợ ngân Hng số tiền 154.921.966đ, trong đó tiền gốc là 134.160.000đ, tiền lãi 20.761.966đ.

Vì vậy ngân Hng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông T, bà D trả ngay cho ngân Hng số tiền tạm tính đến ngày 12/4/2021 là 154.921.966đ, trong đó tiền gốc là 134.160.000đ, tiền lãi 20.761.966đ. Yêu cầu tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 13/4/2021 cho đến ông T, bà D thanh toán hết nợ theo quy định hợp

đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký.

Tại phiên tòa, ngân Hng yêu cầu ông T, bà D trả số tiền tạm tính đến ngày 29/9/2023 là 219.764.082đ, trong đó gồm: nợ gốc là 134.160.000đ, nợ lãi trong hạn là 12.845.071đ, nợ lãi quá hạn là 72.759.011đ. Yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 30/9/2023 cho đến khi ông T, bà D trả xong toàn bộ khoản nợ cho ngân Hng.

Qua xác minh ông Võ THnh Phước là Giám đốc trung tâm ô tô Trường Hải - Kiên Giang trình bày: Ông T, bà D trước kia có mua xe ô tô tại trung tâm xe Trường Hải - Kiên Giang theo hình thức trả góp cho Ngân Hng TMCP Quốc Tế Việt Nam. Sau khi mua xe thì ông T sử dụng được một thời gian thì xe gặp tai nạn bị lật nên ông T có đem xe đến trung tâm để sửa chữa, sau khi sửa chữa xong ông T nhận lại xe. Trung tâm Trường Hải không có thu hồi hay mua lại xe của ông T.

Qua xác minh bà Nguyễn Ngọc Dung trình bày: Bà Dung là mẹ ruột của bà D, bà có qua sống chung với gia đình ông T, bà D một thời gian nên bà biết vợ chồng ông T, bà D có nhiều bất đồng trong quan điểm sống. Ông T không quan tâm, chăm sóc gia đình, ngược lại ông T thường xuyên đánh đập bà D. Ông T không lo làm ăn mà ham mê cờ bạc gây nhiều nợ nần và hiện đã bán hết tài sản không còn chỗ ở. Ngoài ra ông T còn ăn nh say xỉn bị nhiều nơi đuổi việc không cho làm thuê. Từ đầu năm 2023 cho đến nay do xảy ra quá nhiều mâu thuẫn bất đồng không thể Hn gần nên ông T, bà D đã sống ly thân với nhau.

Qua xác minh đại Dện ban lãnh đạo khu phố Kiên Tân trình bày: Khi sống tại địa phương thì không thấy ông T, bà D yêu cầu khu phố hòa giải việc gia đình của ông, bà nên địa phương cũng không biết được mâu thuẫn trong chuyện gia đình của họ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà D được ly hôn với ông T. Giao con chung cho bà D nuôi dưỡng đến tuổi trưởng tHnh, do bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nên ghi nhận. Đề nghị buộc bà D, ông T phải thanh toán nợ theo yêu cầu của ngân Hng. Bà D phải chịu án phí hôn nhân theo quy định của pháp luật. Bà D, ông T phải chịu án phí dân sự trên số tiền phải trả cho ngân Hng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về việc "Ly hôn, nuôi con chung, nợ chung" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn ông Trương Thanh T cư trú tại tổ 12, khu phố Kiên Tân, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K. Đối với quan hệ hôn nhân và con chung, nợ chung của vợ chồng thì áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để xem xét giải quyết.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông T có đơn xin vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị D và ông Trương Thanh T có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/3/2018, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy bà D có yêu cầu ly hôn nhưng ông T không đồng ý vì cho rằng mình còn yêu thương vợ con. Tòa án đã tiến hành hòa giải động viên để vợ chồng trở về sống đoàn tụ nhưng bà D vẫn cương quyết xin ly hôn. Tại phiên tòa, bà D khẳng định không thể Hn gắn với ông T, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, không còn yêu thương, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau. Mặt khác, qua xác minh được biết trong cuộc sống gia đình ông T, bà D có nhiều mâu thuẫn, bất đồng, ông T không quan tâm, chăm sóc gia đình, ngược lại ông T thường xuyên đánh đập bà D. Ông T không lo làm ăn mà ham mê cờ bạc gây nhiều nợ nần và hiện đã bán hết tài sản không còn chỗ ở. Ngoài ra ông T còn ăn nhậu say xỉn bị nhiều nơi đuổi việc không cho làm thuê. Từ đầu năm 2023 cho đến nay do xảy ra quá nhiều mâu thuẫn bất đồng không thể Hn gắn nên ông T, bà D đã sống ly thân với nhau. Tuy ông T mong vợ chồng về chung sống đoàn tụ nhưng xét thấy hôn nhân của ông, bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể Hn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”*. Từ những căn cứ nêu trên xét nên cho bà D được ly hôn với ông T.

[4] Về con chung: Có 01 người con chung tên Trương Bá Tước, sinh ngày 15/11/2017, hiện đang sống với bà D. Bà D xin tiếp tục được nuôi con đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông T cấp dưỡng, ông T đồng ý giao con cho bà D nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà D, ông T đều thừa nhận có vay của Ngân Hng TMCP Quốc Tế Việt Nam số tiền 175.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số 0066.HĐTD.632.19 và hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị/phương tiện vận tải số 0066.HĐTC.632.19 ngày 24/01/2019 như ngân Hng trình bày là đúng.

Tuy nhiên ông T cho rằng sau khi xe bị tai nạn thì ông có bán lại cho công ty Trường Hải, sau khi bán xe bên Trường Hải nói đã thanh toán cho ngân Hng nên còn dư lại hai mươi mấy triệu, ông T cũng bỏ luôn không có lấy tiền lại, từ đó ông T tưởng đã thanh toán rồi nên không có liên hệ với ngân Hng nữa. Qua xác minh được biết ông T, bà D trước kia có mua xe ô tô tại trung tâm xe Trường Hải - Kiên Giang theo hình thức trả góp cho Ngân Hng TMCP Quốc Tế Việt Nam. Sau khi mua xe thì ông T sử dụng được một thời gian thì xe gặp tai nạn bị lật nên ông T có đem xe đến trung tâm Trường Hải để sửa chữa, sau khi sửa chữa xong ông T nhận lại xe. Trung tâm Trường Hải không có thu hồi hay mua lại xe của ông T. Mặt khác ngân Hng cũng không thừa nhận lời trình bày của ông T và ông T cũng không có gì để chứng minh. Vì vậy có đủ cơ sở buộc bà D, ông T phải có nghĩa vụ trả nợ cho ngân Hng số tiền vay chưa thanh toán theo hợp đồng tín dụng đã ký tính đến ngày xét xử 29/9/2023 là 219.764.082 đồng, trong đó gồm: nợ gốc là 134.160.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 12.845.071 đồng, nợ lãi quá hạn là 72.759.011 đồng và phải tiếp tục trả lãi theo quy định của pháp luật. Do hợp đồng tín dụng số 0066.HĐTD.632.19 ngày 24/01/2019 đến hạn vào ngày 23/01/2024 nên tuyên bố chấm dứt hợp đồng tín dụng này.

[7] Về án phí: Bà D có yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân theo quy định của pháp luật. Do bà D, ông T bị buộc trả nợ nên phải chịu án phí trên số tiền phải trả. Trả lại án phí tạm nộp cho ngân Hng.

Vì caùc leõ treân,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 9, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lê Thị D được ly hôn với ông Trương Thanh T.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Trương Bá Tước cho bà Lê Thị D nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nên ghi nhận.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom và chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

- Về nợ chung: Tuyên bố chấm dứt hợp đồng tín dụng số 0066.HĐTD.632.19 ngày 24/01/2019. Buộc bà Lê Thị D và ông Trương Thanh T phải trả cho Ngân Hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam số tiền là 219.764.082 đồng, trong đó gồm: nợ gốc là 134.160.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 12.845.071 đồng, nợ lãi quá hạn là 72.759.011 đồng.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì kể từ ngày 30/9/2023 cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí:

+ Buộc bà Lê Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng. Buộc bà D phải chịu số tiền án phí dân sự là 5.494.000 đồng, tổng số tiền án phí bà D phải chịu là 5.794.000 đồng, sau khi khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0007015 ngày 12/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, nên bà D phải nộp thêm số tiền 5.494.000 đồng. Buộc ông T phải chịu số tiền án phí 5.494.000 đồng.

+ Trả lại cho ngân Hàng số tiền án phí tạm nộp là 3.873.049 đồng theo biên lai số 0009181 ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

- Về quyền kháng cáo: Ngân Hàng, bà D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông T được quyền kháng cáo bản án trong hạn

15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hnh án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thoả thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi Hnh án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hnh án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND thị trấn K;
- Những người TGT;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Pho